

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2021
V/v L hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Bảng,

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về L hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2020 (Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Lê Thị L) trình bày: Chị và anh Đỗ Văn L tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện Tiên Lãng vào ngày 25 tháng 4 năm 20xx. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 02 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh L mãi chơi không quan tâm, chăm sóc gia đình nên anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống L thân và không còn quan tâm đến nhau từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị L yêu cầu L hôn anh L. Anh chị có hai con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 04 tháng 11 năm 20xx và Đỗ Lê V, sinh ngày 19 tháng 02 năm 20xx. Khi L hôn, chị L

đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con và về tài sản, nợ chung chị xin tự thỏa thuận với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L nhiều lần, yêu cầu anh L giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh L không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh L là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh L mải chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn tới vợ chồng anh chị đã sống L thân nhau từ năm 2015 đến nay; anh chị có hai con chung như chị L trình bày. Nay chị L xin L hôn anh L và nhận trực tiếp nuôi cả hai con, Tòa án nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (chị L) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn (anh L) vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị Lê Thị L được L hôn anh Đỗ Văn L; giao con Đỗ Đức H và con Đỗ Lê V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con và về tài sản, nợ chung chị L xin tự giải quyết với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; chị L phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (L hôn, tranh chấp nuôi con); bị đơn (anh Đỗ Văn L) có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố

Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh L) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho anh L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Nguyên đơn (chị L) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh L) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh L.

- Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương, thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh L được xác lập do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tiên Lãng vào ngày 05 tháng 9 năm 2011, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh L mãi chơi, ít quan tâm tới gia đình nên vợ chồng thường hay bất hòa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống L thân nhau thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu L hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị L được L hôn anh L.

[5]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 04 tháng 11 năm 20xx và Đỗ Lê V, sinh ngày 19 tháng 02 năm 20xx. Khi L hôn chị L đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị L làm công nhân, có thu nhập ổn định; anh L làm nghề lao động tự do; từ khi sống L thân đến nay chị L luôn quan tâm, chăm sóc các con tốt; quá trình giải quyết vụ án cháu H, V có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử giao con Đỗ Đức H và Đỗ Lê V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, vì chị L xin tự thỏa thuận với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên để anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[6]. Về tài sản và nợ chung: Anh chị không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96**, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được L hôn anh Đỗ Văn L.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Đức H, sinh ngày 04 tháng 11 năm 20xx và Đỗ Lê V, sinh ngày 19 tháng 02 năm 20xx cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 02 tháng 02 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự giải quyết với nhau.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí L hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0011977 ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị L đã nộp đủ án phí L hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng (ĐKKH 20xx);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang

